BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/06/2023

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00617	Phạm Ngọc	Anh	Nam	19.10.1997	Thái Bình		
2	B00618	Lương Quốc	Anh	Nam	11.08.1991	Hà Nội		
3	B00619	Lục Vân	Anh	Nữ	30.10.1992	Lạng Sơn		
4	B00620	Vương Hồng	Anh	Nữ	30.10.1999	Thái Bình		
5	B00621	Nguyễn Thị Kim	Ánh	Nữ	14.11.1977	Ninh Bình		
6	B00622	Lê Thị Chung	Bắc	Nữ	17.06.2000	Hưng Yên		
7	B00623	Trần Tiến	Bằng	Nam	24.02.1996	Quảng Bình		
8	B00624	Chu Thị Thanh	Bình	Nữ	27.09.1992	Hà Nội		
9	B00625	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	20.04.1991	Thanh Hóa		
10	B00626	Phạm Văn	Đại	Nam	09.02.1992	Hải Dương		
11	B00627	Trần Hải	Đăng	Nam	16.11.1994	Bắc Giang		
12	B00628	Phạm Đình	Đạt	Nam	21.01.1991	Hà Nội		
13	B00629	Đặng Huy	Doanh	Nam	16.07.1987	Lạng Sơn		
14	B00630	Nguyễn Ngọc	Dự	Nam	28.12.1990	Thanh Hóa		
15	B00631	Dương Văn	Duẩn	Nam	26.04.1991	Hà Nội		
16	B00632	Nguyễn Văn	Duẩn	Nam	20.08.1993	Thái Bình		
17	B00633	Bùi Ngọc	Đức	Nam	24.11.1978	Ninh Bình		
18	B00634	Lương Thị	Dung	Nữ	21.09.1998	Bắc Giang		
19	B00635	Vũ Thị Thuỳ	Dung	Nữ	22.04.1990	Nam Định		
20	B00636	Phạm Trung	Dũng	Nam	27.04.2000	Hà Nội		
21	B00637	Trịnh Văn	Dũng	Nam	15.05.1977	Ninh Bình		
22	B00638	Nguyễn Hải	Dương	Nam	16.09.1992	Hòa Bình		
23	B00639	Trương Ngọc	Dương	Nam	08.04.1996	Thanh Hoá		
24	B00640	Trần Hồng	Dương	Nam	21.11.1996	Hà Nam		
25	B00771	Đỗ Thuỳ	Dung	Nữ	07.08.2000	Quảng Ninh		

Số thí sinh theo danh sách: 25

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/06/2023

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00641	Phạm Thị Hồng	Duyên	Nữ	01.06.1982	Thái Bình		
2	B00642	Vũ Thị Hồng	Giang	Nữ	19.02.1989	Hà Nội		
3	B00643	Nông Minh	Giảng	Nam	26.03.1998	Bắc Giang		
4	B00644	Nguyễn Song	Hà	Nam	29.06.1985	Ninh Bình		
5	B00645	Lại Thị Thanh	Hà	Nữ	02.07.1985	Hà Nội		
6	B00646	Phạm Thanh	Hà	Nữ	03.12.1987	Thanh Hoá		
7	B00647	Đỗ Thị Thu	Hà	Nữ	10.09.1987	Thái Bình		
8	B00648	Lê Sơn	Hà	Nam	19.10.1975	Hà Nội		
9	B00649	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	27.06.1986	Hà Nội		
10	B00650	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24.08.1982	Hải Dương		
11	B00651	Vũ Thị Hồng	Hạnh	Nữ	30.01.1995	Thái Bình		
12	B00652	Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	20.09.1995	Lạng Sơn		
13	B00653	Phạm Thị	Hậu	Nữ	12.10.1983	Vĩnh Phúc		
14	B00654	Vương Thị	Hiền	Nữ	11.09.1999	Thái Bình		
15	B00655	Vũ Thị	Hiền	Nữ	19.10.1999	Thanh Hóa		
16	B00656	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	13.07.1990	Hà Nội		
17	B00657	Nguyễn Hữu	Hiển	Nam	08.10.1983	Hà Nội		
18	B00658	Dương Trung	Hiếu	Nam	05.12.2000	Tuyên Quang		
19	B00659	Đỗ Trung	Hiếu	Nam	02.12.2001	Nam Định		
20	B00660	Đào Khánh	Hòa	Nam	16.12.1988	Thái Bình		
21	B00661	Ngô Hải	Hòa	Nam	14.01.2001	Hà Nam		
22	B00662	Trần Huy	Hoàng	Nam	21.08.1989	Hà Nội		
23	B00663	Vũ Thanh	Hồng	Nữ	22.11.1980	Ninh Bình		
24	B00664	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	18.02.1987	Thái Nguyên		
25	B00769	Lê Thị Kiều	Trang	Nữ	23.12.1989	Hà Nội		
26	B00770	Trần Lương	Phong	Nam	05.10.2001	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/06/2023

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00665	Lầu Bá	Hùa	Nam	30.06.1999	Nghệ An		
2	B00666	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	25.07.1988	Thái Bình		
3	B00667	Thân Thị Minh	Huệ	Nữ	17.11.1990	Bắc Giang		
4	B00668	Trương Thị Kim	Huệ	Nữ	14.12.2001	Ninh Bình		
5	B00669	Phạm Thanh	Hùng	Nam	03.01.1976	Nam Định		
6	B00670	Đỗ Văn	Hướng	Nam	04.07.1989	Nam Định		
7	B00671	Vũ Thị Thanh	Hường	Nữ	01.12.1978	Vĩnh phúc		
8	B00672	Trần Quang	Huy	Nam	17.10.1998	Thanh Hóa		
9	B00673	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	23.12.1998	Nam Định		
10	B00674	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	01.02.2000	Hà Nội		
11	B00675	Hoàng Phúc	Khánh	Nam	16.11.1990	Quảng Trị		
12	B00676	Lưu Văn	Khoa	Nam	15.06.1972	Hà Nội		
13	B00677	Nguyễn Thị	Là	Nữ	19.10.1981	Thái Bình		
14	B00678	Đặng Văn	Lâm	Nam	10.11.1991	Ninh Bình		
15	B00679	Trịnh Thị Thu	Lan	Nữ	23.11.1992	Hà Nội		
16	B00680	Lê Thị Mai	Lan	Nữ	12.09.1994	Hòa Bình		
17	B00681	Nguyễn Thị Hương	Lan	Nữ	25.06.1999	Vĩnh Phúc		
18	B00682	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	10.10.1989	Hà Nội		
19	B00683	Trần Thị	Lành	Nữ	01.11.1982	Nam Định		
20	B00684	Vũ Thị Thùy	Linh	Nữ	20.11.1986	Hà Nội		
21	B00685	Phạm Hoàng	Loan	Nữ	12.04.1999	Thái Nguyên		
22	B00686	Nguyễn Trung	Long	Nam	04.12.1998	Hà Nội		
23	B00687	Lý Thị Thanh	Luyện	Nữ	03.07.1972	Hà Nội		
24	B00688	Bàn Diệu	Ly	Nữ	29.06.2001	Tuyên Quang		
25	B00767	Lê Thị	Thanh	Nữ	28.08.2001	Thanh Hóa		
26	B00768	Lê Minh	Nghĩa	Nam	18.04.1980	Thanh Hóa		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/06/2023

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00689	Lê Thị	Mai	Nữ	03.11.1987	Hà Nội		
2	B00690	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	20.09.1999	Yên Bái		
3	B00691	Nguyễn Tuyết	Mây	Nữ	17.09.1996	Thái Bình		
4	B00692	Nguyễn Anh	Minh	Nam	18.01.1997	Hà Nội		
5	B00693	Phạm Quang	Minh	Nam	04.11.1997	Thái Bình		
6	B00694	Đoàn Trà	My	Nữ	16.07.2000	Hà Nội		
7	B00695	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	10.03.1996	Thái Bình		
8	B00696	Vũ Văn	Năng	Nam	07.10.1984	Ninh Bình		
9	B00697	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	11.05.1995	Hà Nội		
10	B00698	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	28.03.1999	Hà Nội		
11	B00699	Trần Tuấn	Nghĩa	Nam	30.09.1988	Nam Định		
12	B00700	Trần Thị Minh	Ngọc	Nữ	17.10.1999	Hải Dương		
13	B00701	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	22.11.2000	Hà Nội		
14	B00702	Dương Thị	Nguyên	Nữ	12.04.1991	Hà Nam		
15	B00703	Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	01.11.1988	Hà Nội		
16	B00704	Vũ Yến	Nhi	Nữ	04.07.1997	Thanh Hoá		
17	B00705	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	03.12.1999	Hà Nội		
18	B00706	Tống Ngọc	Oanh	Nữ	27.07.1984	Bắc Giang		
19	B00707	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	22.04.1977	Quảng Bình		
20	B00708	Đặng Thị	Phú	Nữ	02.06.1983	Thái Bình		
21	B00709	Trịnh Huy	Phương	Nam	30.11.1996	Thanh Hóa		
22	B00710	Đinh Thùy	Phương	Nữ	23.04.1999	Ninh Bình		
23	B00711	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	05.02.1986	Hà Nội		
24	B00760	Đào Như	Ý	Nữ	29.04.2001	Hà Nội		
25	B00761	Chử Đức	Huy	Nam	08.11.2001	Bắc Ninh		
26	B00766	Trần Thị	Huệ	Nữ	10.05.1999	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/06/2023

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00712	Nguyễn Hồng	Phượng	Nữ	15.10.1985	Thái Nguyên		
2	B00713	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	01.07.1998	Hà Nội		
3	B00714	Đoàn Minh	Quang	Nam	23.09.2001	Quảng Ninh		
4	B00715	Đỗ Xuân	Quý	Nam	27.12.1979	Ninh Bình		
5	B00716	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	03.01.1984	Nghệ An		
6	B00717	Lê Thị	Quyền	Nữ	17.07.1985	Hà Nội		
7	B00718	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	14.07.1994	Nam Định		
8	B00719	Nguyễn Thị	Sáu	Nữ	11.11.1993	Phú Thọ		
9	B00720	Đỗ Đình	Sơn	Nam	12.01.1993	Vĩnh Phúc		
10	B00721	Nguyễn Thị Kim	Sửu	Nữ	15.08.1973	Ninh Bình		
11	B00722	Đoàn Thị Minh	Tâm	Nữ	28.12.1998	Hòa Bình		
12	B00723	Nguyễn Khắc	Tân	Nam	11.07.1997	Hà Nội		
13	B00724	Lê Thị Hồng	Thái	Nữ	26.03.1973	Ninh Bình		
14	B00725	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	22.12.1978	Vĩnh Phúc		
15	B00726	Phạm Thị	Thanh	Nữ	03.01.1991	Nam Định		
16	B00727	Hà Văn	Thanh	Nam	04.08.1988	Quảng Ninh		
17	B00728	Bùi Thị Nam	Thanh	Nữ	11.05.1997	Thái Bình		
18	B00729	Lò Thị	Thanh	Nữ	21.07.2001	Điện Biên		
19	B00730	Bùi Thu	Thảo	Nữ	10.06.1997	Hà Nội		
20	B00731	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	13.12.1997	Thái Bình		
21	B00732	Trịnh Đình	Thiêm	Nam	25.08.1985	Ninh Bình		
22	B00733	Nông Quốc	Thịnh	Nam	09.09.1999	Cao Bằng		
23	B00734	Nguyễn Thị Thanh	Thu	Nữ	06.02.1994	Hà Nội		
24	B00758	Hoàng Thị Quỳnh	Chi	Nữ	15.09.1999	Hà Nam		
25	B00764	Đỗ Thị A	Khuya	Nữ	20.06.1988	Hưng Yên		
26	B00765	Lê Việt	Anh	Nam	19.02.1999	Điện Biên		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 11/06/2023

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00735	Đào Thị	Thu	Nữ	08.06.1990	Thái Bình		
2	B00736	Lương Thị Hoài	Thu	Nữ	10.07.1982	Phú Thọ		
3	B00737	Vũ Thị	Thu	Nữ	16.02.1995	Lào Cai		
4	B00738	Nguyễn Thị Tình	Thương	Nữ	28.10.1993	Hưng Yên		
5	B00739	Tạ Thị Thanh	Thuý	Nữ	20.01.1984	Hà Nội		
6	B00740	Trịnh Thị Hoa	Thúy	Nữ	19.08.1999	Thanh Hóa		
7	B00741	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	21.05.1991	Ninh Bình		
8	B00742	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	24.07.1983	Vĩnh Phúc		
9	B00743	Tạ Thị	Tơ	Nữ	22.12.1976	Vĩnh Phúc		
10	B00744	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	15.10.1993	Hà Nội		
11	B00745	Trịnh Thị	Trang	Nữ	11.07.1983	Hưng Yên		
12	B00746	Nguyễn Thành	Trung	Nam	09.05.2000	Quảng Ninh		
13	B00747	Đào Anh	Tuấn	Nam	06.05.1997	Nam Định		
14	B00748	Đinh Văn	Tuất	Nam	02.02.1982	Phú Thọ		
15	B00749	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	23.10.1983	Nam Định		
16	B00750	Lê Thị	Tươi	Nữ	23.03.1992	Hà Nội		
17	B00751	Mã Thị Tuyết	Vân	Nữ	16.05.1993	Thanh Hoá		
18	B00752	Phạm Thị Hồng	Vân	Nữ	19.05.1979	Thái Bình		
19	B00753	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	28.06.1996	Hưng Yên		
20	B00754	Hoàng Thị	Xuân	Nữ	29.01.1974	Hà Nội		
21	B00755	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	26.02.1994	Hưng Yên		
22	B00756	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	05.10.1999	Thái Bình		
23	B00757	Lê Thị	Yến	Nữ	28.08.1990	Hưng Yên		
24	B00759	Bùi Thanh	Xuân	Nữ	05.09.2001	Nam Định		
25	B00762	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	05.07.2001	Hà Nội		
26	B00763	Dương Mỹ	Quỳnh	Nữ	26.01.2001	Nam Định		

Số thí sinh theo danh sách: 26

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm ……

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)